

Danh nhân tuổi Tý nổi tiếng trong lịch sử Việt Nam

Dân tộc Việt Nam trải qua lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước với nhiều biến cố thăng trầm, ở mỗi một giai đoạn và qua từng năm đều có những người anh hùng, những danh nhân nổi tiếng. Nhân dịp đón xuân Canh Tý 2020, Báo Đời sống và Tiêu dùng xin trân trọng giới thiệu một số nhân vật tuổi Tý nổi tiếng trong lịch sử nước ta.

SÀO ANH

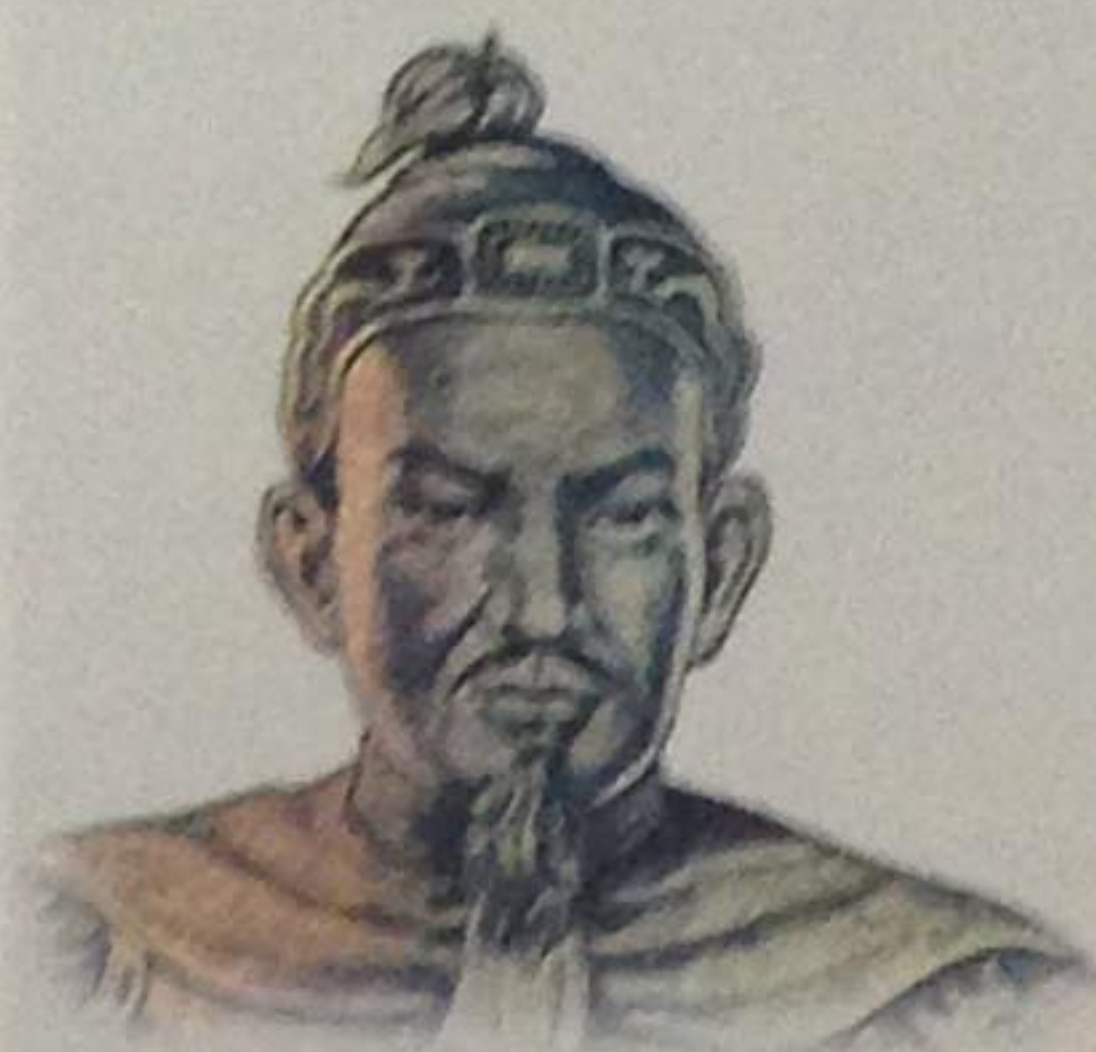
1. Lý Thái Tông (Canh Tý, 1000 - 1054)

Lý Thái Tông lên ngôi Hoàng đế năm 1028, sau khi Lý Thái Tổ - Lý Công Uẩn, người có công dời kinh đô Đại Việt từ Hoa Lư (Ninh Bình) về thành Đại La (Thăng Long) băng hà. Ông là bậc minh quân hết lòng yêu nước thương dân, thường quan tâm đến việc đóng áng của nông dân, ra ruộng đồng động viên dân gặt hái mùa màng cho kịp, nhiều lần đi cấy ruộng cùng dân.

Ông cầm quân ra biên giới đánh đuổi giặc Chiêm Thành sang quấy nhiễu nước ta, nhờ vậy nhân dân an hưởng thái bình. Một trong những thành tựu huy hoàng nhất của Lý Thái Tông là năm 1042, khi ông cho ra đời "Hình thư" - Bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta, được các nhà khoa học đánh giá rất cao.

Vua Lý Thái Tông ở ngôi được 27 năm, đến năm 1054 thì băng hà, thọ 55 tuổi. Là người văn võ song toàn, lại nhân từ độ lượng, Lý Thái Tông được xếp là một trong những vị vua sáng trong lịch sử phong kiến Việt Nam.

2. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (Mậu Tý, 1228 - 1300)



Trần Quốc Tuấn là nhà chỉ huy quân sự kiệt xuất, anh hùng dân tộc, nhà văn hóa vĩ đại trong lịch sử Việt Nam. Tên tuổi ông gắn liền với chiến công Bạch Đằng Giang bất tử, là người góp công lớn nhất trong ba lần kháng chiến đánh thắng giặc Nguyên Mông, 1258, 1285 và 1288.

Ông là vị tướng biết dùng người và tiến cử người tài giỏi cho đất nước (như

Dã Tượng, Yết Kiêu, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu...). Là người "sống một đời mà tiếng thơm để đến muôn đời". Ông còn là tác giả của hai bộ binh thư và đặc biệt bài "Hịch tướng sĩ" nổi tiếng còn lưu truyền đến ngày nay. Sau khi ông mất, vua phong ông tước Hưng Đạo Đại Vương. Nhân dân lập đền thờ ông ở khắp nơi trên mọi miền đất nước.

3. Phùng Khắc Khoan (Mậu Tý, 1528 - 1613)



Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan sinh năm Mậu Tý tại làng Bùng, xã Phùng Xá, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây (cũ). Ông vốn cùng mẹ khác cha với Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm.

Ông đỗ Tiến sĩ khoa thi năm Canh Thìn (1580) thời Lê - Trịnh. Sinh thời, ông làm quan đến chức Hộ bộ Thượng thư, Quốc tử Giám tế tửu, từng làm Chánh sứ sang Trung Quốc (1597-1598). Không chỉ nổi tiếng là một lương thần, một danh nho, Phùng Khắc Khoan còn là một thi sĩ tài hoa. Ông cũng là người nhiệt tình xây dựng quê hương, quan tâm đến đời sống dân làng. Tương truyền ông là người đem nghề dệt lụa về cho dân Phùng Xá và đem giống ngô về vùng sông Đáy, tạo nên một nông sản mới tại đây. Ông mất năm 1613, thọ 85 tuổi. Nhân dân làng Phùng Xá đã lập đền thờ ông.

4. Phạm Công Trứ (Canh Tý, 1600 - 1675)

Phạm Công Trứ là danh sĩ đời Lê Thần Tông. Ông sinh ra tại quê làng

Liên Xuyên, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương. Trọn cuộc đời mình, Phạm Công Trứ đã góp phần xây dựng triều đình, củng cố đất nước.

Trong các lĩnh vực: Chính trị, quân sự, văn học, sử học, pháp luật, ông đều có những cống hiến quan trọng, có đức tốt, có danh vọng, công lao sự nghiệp là bậc hiển tể thứ nhất sau đời Trung hưng. Ông có sáng tác văn học, nghiên cứu lịch sử. Khoảng năm 1665, ông cùng một nhóm danh sĩ khảo duyệt và tục biên bộ Đại Việt sử ký bản kỷ tục biên. Bộ sử này ông có soạn thêm từ đời Lê Trang Tông - gồm cả sử nhà Mạc - đến hết đời Lê Thần Tông (1527- 1662).

5. Phạm Đình Hổ (Mậu Tý, 1768 - 1839)



Phạm Đình Hổ là người làng Đan Loan, huyện Đường An, nay thuộc Nhân Quyền, Bình Giang, Hải Dương. Gia đình ông còn có nhà riêng tại phường Thái Cực huyện Thọ Xương, thuộc kinh thành Thăng Long, nay thuộc khu vực Hàng Buồm, Hà Nội.

Ông là nhà nghiên cứu văn hóa - xã hội, nhà văn, nhà thơ Việt Nam nổi tiếng cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19. Trong quá trình làm quan, ông dành rất nhiều thời gian cho việc nghiên cứu, biên soạn sách chuyên khảo. Ông để lại cho đời sau nhiều công trình khảo cứu về lịch sử, địa lý, phong tục tập quán, văn hoá xã hội, văn thơ có giá trị lớn như: An Nam chí, Vũ trung tùy bút, Ô Châu lục, Ai Lao sử trình, Lê triều hội điển, Tiến lệ Nam Việt bản đồ mô bản... Ngoài ra, các công trình khảo cứu của Phạm Đình Hổ có những giá trị nhất định, đặc biệt là giá trị về mặt tư liệu đối với khoa học lịch sử, ngôn ngữ, triết học.

6. Hoàng Diệu (Mậu Tý, 1828 - 1882)



Hoàng Diệu là nhà chí sĩ yêu nước, quê ở làng Xuân Đài, huyện Diên Phúc, tỉnh Quảng Nam (nay thuộc huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Ông sinh ngày 10/02/1828, đỗ cử nhân khoa Mậu Thân 1848 và Phó bảng khoa Quý Sửu 1853, lúc 25 tuổi. Ông nổi tiếng công minh và thanh liêm. Suốt 30 năm làm quan nhiều nơi, nhưng cảnh nhà ông vẫn thanh bạch, nghèo túng.

Đầu năm 1882, khi đại tá Pháp Henri Rivière đem quân ra cướp miền Bắc. Ông bất bình, chỉ huy quân sĩ quyết liệt đối phó. Trước hòa lực của quân cướp nước và một số lãnh binh bỏ thành chạy, Hoàng Diệu vào hành cung, thảo tờ di biểu, rồi ra trước Võ miếu dùng khăn bịt đầu thắt cổ tự tử, hưởng dương 54 tuổi. Cho đến ngày nay, Hoàng Diệu vẫn là tấm gương sáng về lòng yêu nước, một người có chí khí cao, thà chết chứ không chịu cúi đầu, là một bậc anh hùng của dân tộc, sống mãi cùng đất nước.

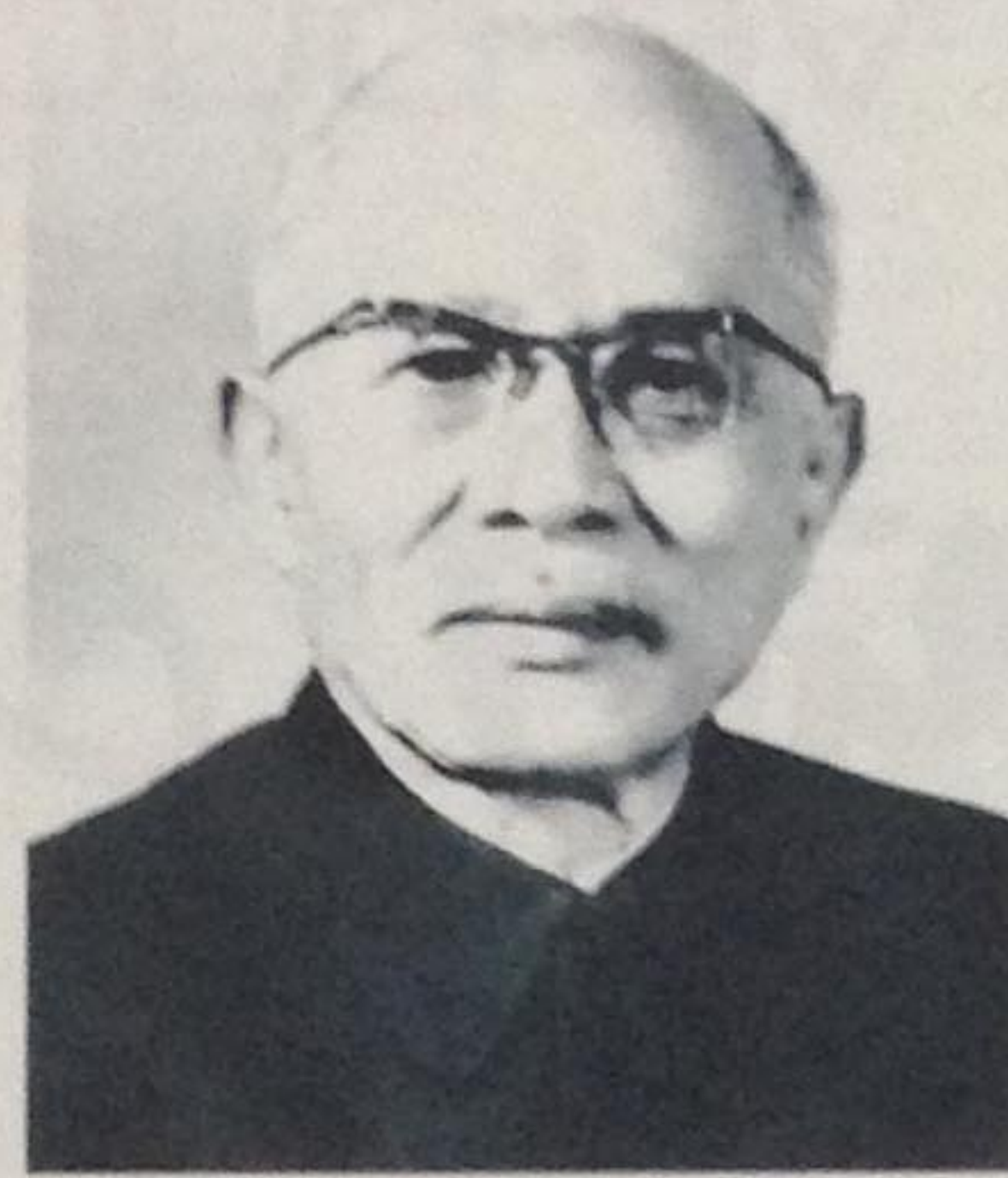
7. Nguyễn Trường Tộ (Mậu Tý, 1828 - 1871)

Nguyễn Trường Tộ sinh ở làng Bàu Chu, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Ngay từ nhỏ, ông đã rất thông minh, khi còn đi học đã nổi tiếng về tài uyên bác (được mọi người gọi là "Trang Tộ"). Gia đình ông theo đạo Thiên Chúa, cha mất sớm, ông theo học chữ Hán với cụ Từ Giai. Năm 1855, nhà thờ xứ Tân Ấp một ông dạy chữ Hán, từ đó ông học chữ Pháp và Quốc ngữ với các giáo sĩ. Năm 1858



khởi xương phong trào Duy Tân ở Quảng Nam. Ông bị bắt năm Mậu Thân (1908), bị đày Côn Đảo suốt 13 năm (1908 - 1921) mới được thả tự do vì ông là một trong những lãnh đạo phong trào Duy Tân.

9. Tôn Đức Thắng (Mậu Tý, 1888 - 1980)



Nhà cách mạng Tôn Đức Thắng sinh ra tại làng quê Mỹ Hòa Hương, tổng Dinh Thành, tỉnh Long Xuyên, nay là xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, An Giang. Trong 92 năm cuộc đời (1888-1980), gần 70 năm hoạt động và cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc, ông là một nhà yêu nước vĩ đại, người bạn chiến đấu thân thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời ngày 2/9/1969, đến ngày 23/9/1969 ông được giữ chức Chủ tịch nước cho đến khi từ trần. Ngày 30/3/1980 ông mất tại Hà Nội, thọ 92 tuổi.

10. Nguyễn Văn Cừ (Nhâm Tý, 1912 - 1941)

Nguyễn Văn Cừ là nhà lý luận xuất sắc, nhà chính trị tài năng, một tấm gương tiêu biểu về tinh thần tự học tập rèn luyện và trưởng thành qua đấu tranh cách mạng. Ông đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân Việt Nam. Ông nguyên là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương, là người con của làng quê Bắc Ninh.



Năm 1927, khi đang đi học tại trường Bưởi, Hà Nội, ông tham gia vào tổ chức Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Do hoạt động bí mật, ông bị thực dân Pháp đuổi học. Tháng 6/1929, ông được kết nạp vào chi bộ Đảng Cộng sản đầu tiên ở Hà Nội.

Sau khi thành lập Đảng (3/2/1930), ông làm bí thư đầu tiên Đặc khu Hồng Gai, Uông Bí. Hoạt động ở đây được một thời gian, ông bị Pháp bắt, kết án khổ sai rồi đày ra Côn Đảo. Năm 1936, ông được trả tự do về sống ở Hà Nội tiếp tục hoạt động bí mật. Tháng 9/1937, ông được cử vào Ban Thường vụ Trung ương Đảng. Năm 1938, ông được bầu làm Tổng Bí thư đảng Cộng sản Đông Dương. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ năm 1940, ông bị thực dân Pháp bắt và kết án tử hình. Ngày 28/8/1941, ông bị thực dân Pháp xử bắn tại Bà Điểm, huyện Hóc Môn (nay là thành phố Hồ Chí Minh). Tại pháp trường, ông đã kiên quyết xé tấm băng đen bịt mắt và hô lớn: "Cách mạng Đông Dương thành công muôn năm" rồi gục ngã xuống trước làn đạn địch. Ông hi sinh lúc 29 tuổi.

11. Phạm Hùng (Nhâm Tý, 1912 - 1988)



Phạm Hùng tên thật là Phạm Văn Thiện, quê ở ấp Long Thuận A, xã Long Hồ, huyện Châu Thành (nay là xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long). Sinh ra và lớn lên từ gia đình trung nông, có truyền thống gia giáo, thời niên thiếu của ông gắn liền với một bối cảnh lịch sử đầy những bất công, khổ cực của những người dân thuộc địa. Sớm giác ngộ cách mạng, mới 16 tuổi, ông đã tích cực tham gia hoạt động trong phong trào yêu nước của thanh niên, học sinh. Năm 1930, ông được kết nạp vào Đảng, với tài năng và nhiệt huyết cách mạng, năm 1931, ông được Đảng tin cậy giao trọng trách là Bí thư Tỉnh ủy Mỹ Tho.

Cũng trong năm 1931, ông bị thực dân Pháp bắt, kết án tử hình, sau giảm xuống chung thân, đày đi Côn Đảo. Năm 1946, ông làm Bí

thư Xứ ủy lâm thời Nam bộ. Năm 1951, được bầu vào Ban chấp hành Trung ương Đảng, sau đó được chỉ định làm Ủy viên Trung ương Cục miền Nam với chức vụ Phó bí thư, rồi làm Chủ tịch ủy ban kháng chiến hành chính, phân liên khu miền Đông Nam bộ năm 1952. Năm 1956, ông được bầu vào ủy viên Bộ chính trị. Năm 1957 làm Bộ trưởng. Năm 1975, ông làm chính ủy Bộ chỉ huy chiến dịch Hồ Chí Minh. Sau ông làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, kiêm Bộ trưởng Bộ Nội vụ (1980). Từ tháng 6/1987, ông làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Ngày 10/3/1988, ông mất đột ngột vì bệnh tim, thọ 76 tuổi. Ông được Nhà nước tặng nhiều danh hiệu cao quý trong đó có Huân chương Sao Vàng.

12. Tôn Thất Tùng (Nhâm Tý, 1912 - 1982)

Giáo sư Bác sĩ Tôn Thất Tùng là vị bác sĩ nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới trong lĩnh vực gan và giải phẫu gan. Quê ông ở thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Viện sĩ Viện Hàn lâm Y học Liên Xô, Hội viên Hội quốc gia những nhà phẫu thuật Cộng hòa Dân chủ Đức, Viện sĩ Viện Hàn lâm Phẫu thuật Paris, Hội viên Hội các nhà phẫu thuật Lyon (Pháp), Thành viên Hội Quốc gia các nhà phẫu thuật Algieri. Ông còn là một giáo sư, đào tạo ra nhiều thế hệ bác sĩ tài năng tại Trường Đại học Y Hà Nội.

Ông còn giữ cương vị Thứ trưởng Bộ Y tế Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nguyên Giám đốc Bệnh viện Phủ Doãn (Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức bảy giờ), nguyên Chủ nhiệm Bộ môn Ngoại khoa - Trường Đại học Y Hà Nội. Ông cũng là tác giả của "Phương pháp cắt gan khó" hay "Phương pháp Tôn Thất Tùng" nổi tiếng. Do cống hiến của ông trong lĩnh vực y học, ông được Chính phủ Việt Nam tặng nhiều huân chương cao quý. Ngày 7/5/1982, ông mất tại Hà Nội, thọ 70 tuổi.



8. Huỳnh Thúc Kháng (Bính Tý, 1876 - 1947)



Huỳnh Thúc Kháng là một nhà văn, nhà báo và là một chí sĩ yêu nước nổi tiếng của Quảng Nam. Thuở nhỏ ông tên là Huỳnh Hanh hiệu Minh Viên, sinh ra ở làng Thanh Bình, tổng Tiên Giang Thượng, huyện Hà Đông, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam, nay là xã Tiên Cảnh, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Huỳnh Thúc Kháng từ nhỏ nổi tiếng học giỏi, đỗ đầu cả hai khoa thi Hương năm Canh Tý (1900) và thi Hội năm Giáp Thìn (1904). Sau khi đỗ Tiến sĩ, ông không ra làm quan mà ở nhà cùng các đồng chí Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp...